

Bản án số: 95/2023/DS-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

- Thư ký phiên tòa: Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **MAI THỊ ÚT** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81A/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1955 (chết)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H:

- Ông **Phan Trọng H**, sinh năm 1952 (Có đơn xin vắng mặt)

- Chị **Phan Thị T**, sinh năm 1987 (Có mặt)

- Anh **Phan Hồng H**, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

- Anh **Phan Hồng V**, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị **Phan Thị Thùy T**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 18/7/2022 và lời khai tại Tòa, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, chị Phan Thị T trình bày:

Năm 2020, bà H có cho chị T vay các khoản tiền không tính lãi, không thỏa thuận thời hạn trả khi cần bà H sẽ thông báo cho chị T trước 01 tháng và tại thời điểm vay chị T đều viết giấy biên nhận cho bà H làm tin, cụ thể:

+ Ngày 15/3/2020 âm lịch vay số tiền 150.000.000 đồng.

+ Ngày 14/4/2020 âm lịch vay số tiền 50.000.000 đồng.

- + Ngày 04/5/2020 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng.
 - + Ngày 11/9/2020 âm lịch vay số tiền 35.000.000 đồng.
 - + Ngày 04/11/2020 âm lịch vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Tổng cộng là 345.000.000 đồng.

Từ “7 H” và “bà 7” trong các biên nhận chị T ghi chính là bà H.

Bà H yêu cầu chị T phải trả một lần số tiền 345.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu lãi suất.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu chị T phải trả số tiền 335.000.000 đồng, không yêu cầu trả 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 04/11/2020. Tất cả những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H đều thống nhất và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện này của bà H.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc T không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị T phải trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Phan Trọng H, chị Phan Thị Thùy T, chị Phan Thị T, anh Phan Hồng H và anh Phan Hồng V số tiền 335.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông H, anh H, anh V, chị T có đơn xin vắng mặt; chị T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên tại phần nội dung vụ án. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng, chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại Tòa, nguyên đơn đã khẳng định thực tế bị đơn có vay nhiều lần tiền của nguyên đơn tổng cộng 335.000.000 đồng đến nay chưa trả, bị đơn có viết giấy biên nhận cho nguyên đơn làm tin, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, khi nào cần nguyên đơn sẽ thông báo cho bị đơn trước 01 tháng nhưng bị đơn không thực hiện mà kéo dài cho đến nay. Đồng thời, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, bị đơn cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng

minh của mình và thể hiện sự không phản bác đối với việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như đối với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp tại Tòa. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định và cam kết từ “7 H” và “bà 7” trong biên nhận là tên thường gọi ở địa phương của nguyên đơn, nếu sai bản thân nguyên đơn sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Từ đó, xác định việc bị đơn có vay tiền và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay còn thiếu là 335.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử tôn trọng và chấp nhận.

[4] Về án phí: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi, căn cứ theo quy định thì nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm nên không thực hiện việc hoàn tiền tạm ứng án phí.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc chị Trần Thị Ngọc T phải chịu trách nhiệm trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị H gồm ông Phan Trọng H, chị Phan Thị T, anh Phan Hồng H, anh Phan Hồng V, chị Phan Thị Thùy T số tiền vốn vay còn thiếu là 335.000.000 đồng.

Kể từ ngày người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H có tên nêu trên có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu chị T trả số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Chị T phải chịu 16.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

